

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **21/2025/DS-PT**

Ngày 09 – 01 – 2025

*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr; Bà Lê Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Chi – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 379/2024/TLPT-DS ngày 13/11/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án sơ thẩm số 186/2024/DS-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2024/QĐPT-DS ngày 03/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 375/2024/QĐ-PT ngày 18/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị T1, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 09 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn 1, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Doãn Bá T4, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn 1, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người kháng cáo:** Bị đơn bà Đặng Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị T1 trình bày:

Bà Võ Thị T1 và bà Đặng Thị L có mối quan hệ quen biết. Vào ngày 07/7/2023, bà L vay của bà T1 số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà Đặng Thị L viết “Giấy vay tiền”, thể hiện việc có vay số tiền 300.000.000 đồng của bà T1, tại giấy vay bà L viết “*có mượn của chị T3 số tiền 300.000.000 đồng*” vì tên thường gọi của bà Võ Thị T1 là T3; giấy vay tiền không thể hiện thời hạn vay và lãi suất nhưng các bên thỏa thuận miệng thời hạn vay 01 ngày (từ ngày 07/7 đến 08/7/2023), lãi suất 10%/năm.

Ngay sau khi bà L viết giấy vay tiền, bà T1 đã chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng cho bà L, còn lý do tại sao bà L viết tại giấy vay tiền là “*vay tiền mặt*” thì nguyên đơn không biết. Để tạo lòng tin, bà Đặng Thị L đã đưa cho bà T1 giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 377280, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13/02/2020, mang tên bà Đặng Thị L và ông Doãn Bá T4. Khi đến thời hạn trả nợ số tiền 300.000.000 đồng, bà T1 đã nhiều lần yêu cầu bà L thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bà L luôn tìm cách trốn tránh.

Nay nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị L phải trả cho bà T1 số tiền 300.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi, theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 07/7/2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

Bị đơn bà Đặng Thị L trình bày:

Bị đơn bà Đặng Thị L thừa nhận vào ngày 07/7/2023 có vay của bà Võ Thị T1 số tiền 300.000.000 đồng, số tiền vay này đã được bà T1 chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bà L. Về mục đích vay tiền, bà L xác định do bà Hoàng Thị Dạ T2 (là người quen của bà L và bà T1) cần tiền để trả nợ ngân hàng nhưng không vay được bên ngoài nên nhờ bà L vay của bà T1 trong thời hạn 02 ngày, vì bà L có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Bà L đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 377280, mang tên bà Đặng Thị L và chồng là ông Doãn Bá T4 cho bà T1 giữ, tuy nhiên bà L xác định ông Doãn Bá T4 không liên quan đến việc vay tiền.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đặng Thị L đồng ý trả cho bà T1 số tiền 300.000.000 đồng ngay sau khi bà Hoàng Thị Dạ T2 trả tiền cho bà L hoặc theo thỏa thuận giữa bà L, bà T1 và bà T2 (bà T2 trả 300.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất cho bà T1, bà T1 có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L).

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Doãn Quốc T4 đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp các tài liệu, chứng cứ có liên quan cùng văn bản trình bày ý kiến

Tại Bản án sơ thẩm số 186/2024/DS-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị T1.

Buộc bà Đặng Thị L phải trả cho bà Võ Thị T1 số tiền 333.945.000 đồng, trong đó 300.000.000 đồng nợ gốc và 33.945.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày 24/8/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, bà Đặng Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất là 10%/năm.

2. Nguyên đơn bà Võ Thị T1 có nghĩa vụ trả lại cho bà Đặng Thị L và ông Doãn Bá T4 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 377280, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13/02/2020 cho ông Trần Trọng Việt T5 (chính lý biến động chuyển nhượng cho bà Đặng Thị L và ông Doãn Bá T4 ngày 21/12/2022).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* **Kháng cáo:** Ngày 10/9/2024, bị đơn bà Đặng Thị L đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm số 186/2024/DS-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 186/2024/DS-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị L, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đặng Thị L thừa nhận vào ngày 07/7/2023 có vay của bà Võ Thị T1 (tên gọi khác: T3) số tiền 300.000.000 đồng, số tiền này đã được bà T1 chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bà L và hai bên có viết Giấy vay tiền ngày 07/7/2023.

Bà L cho rằng bà L vay tiền của bà T1 giùm bà Hoàng Thị Dạ T2 nên bà T2 có trách nhiệm trả 300.000.000 đồng nợ gốc và lãi cho bà T1. Bà L cung cấp Giấy xác nhận ngày 20/5/2024 có nội dung “*Tất cả thủ tục liên quan đến và T3 và khoản vay 300.000.000đ bà L đứng tên mượn dùm cho bà T2 tại chỗ bà T3, bà T2 có trách nhiệm thanh toán gốc và lãi đã nhận cho bà T3 và hoàn trả lại giấy tờ đất cho bà L trong 1 năm kể từ ngày 05/7/2023*”. Tuy nhiên, giấy xác nhận chỉ được lập giữa bà L và bà T2, bà T1 không biết và không đồng ý với thoả thuận này. Do đó, bà L phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà T1 là có cơ sở.

Về lãi suất và thời hạn trả tiền: Giấy vay tiền ngày 07/7/2023 giữa bà T1 và bà L không thể hiện thời hạn trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các bên đều xác định việc vay tiền có lãi suất nhưng không thống nhất mức lãi suất là bao nhiêu. Toà án cấp sơ thẩm xác định đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và có lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự và tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán nợ gốc và lãi kể từ ngày 07/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm là đúng quy định tại Điều 463 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Từ những phân tích, nhận định như trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị L. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 186/2024/DS-ST ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị đơn bà Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu số 0013564 ngày 24/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lưu Thị Thu Hương